

Số: /QĐ-UBND

Sơn Động, ngày tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 – 2030 (tỷ lệ: 1/10.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành “Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn”;

Căn cứ Quyết định 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND xã Tuấn Đạo tại Tờ trình số 83a/TTr-UBND ngày 20/12/2021, Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 57/BC-KT&HT ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2030 (tỷ lệ: 1/10.000), với các nội dung chính như sau:

1. Thông tin chung về đồ án.

- Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tuần Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2030 (tỷ lệ: 1/10.000).
- Chủ đầu tư: UBND xã Tuần Đạo, huyện Sơn Động.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch kiến trúc Bắc Ninh.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

- Vị trí: Xã Tuần Đạo là xã được thành lập trên cơ sở sát nhập xã Bồng Am vào xã Tuần Đạo theo “Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Bắc Giang”, cách trung tâm huyện Sơn Động khoảng 13 km về phía Tây Nam.

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ xã Tuần Đạo, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Yên Định.
- + Phía Nam giáp thị trấn Tây Yên Tử + xã Thanh Luận.
- + Phía Đông giáp xã An Bá + Long Sơn.
- + Phía Tây giáp xã Bình Sơn, Lục Sơn (huyện Lục Nam), xã Đèo Gia (huyện Lục Ngạn).
- Quy mô lập quy hoạch: có tổng diện tích: 9.787,4 ha. Dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 7.998 người.

3. Tính chất: Là trung tâm kinh tế- văn hóa, nông lâm quan trọng của huyện; là đầu mối giao thông đường bộ khu vực phía Tây Nam của huyện Sơn Động.

4. Cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Mã	DT hiện trạng năm 2020		Năm 2025		Năm 2030		
			Diện tích năm 2020 (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2025 (ha)	Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)-(4)	(7)	(8)=(9)-(7)	(9)	(10)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		9.787,40	100		9.787,40		9.787,40	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.182,06	93,82	-187,07	8.994,99	-97,68	8.897,31	90,91
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1.041,37	10,64	-27,07	1.014,30	-7,68	1.006,62	10,28
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	393,06		-72,07	320,99	-5,68	315,31	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	270,15		-48,60	221,55	-4,92	216,63	

1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	122,91		-23,47	99,44	-0,76	99,44	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	648,31		45,00	693,31	-2,00	691,31	
1,2	Đất lâm nghiệp	LNP	8.129,29	83,06	-160,00	7.969,29	-90,00	7.879,29	80,50
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	6.478,46		-160,00	6.318,46	-90,00	6.228,46	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.650,83			1.650,83			
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11,40	0,12		11,40		11,40	0,12
1,4	Đất làm muối	LMU							
1,5	Đất nông nghiệp khác	NKH							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	586,09	5,99	187,07	773,16	97,68	870,84	8,90
2,1	Đất ở	OCT	264,40	2,70	3,60	268,00	2,50	270,50	2,76
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	264,40		3,60	12,00	2,50		
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT							
2,2	Đất chuyên dùng	CDG	116,08	1,19	181,88	297,96	94,42	392,38	4,01
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,54	0,01		0,54		0,54	0,01
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP					0,12	0,12	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,01		0,11	0,12		0,12	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	11,31	0,12	2,57	13,88	2,30	16,18	0,17
2.2.4.1	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.2.4.2	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,08		0,46	2,54		2,54	
2.2.4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,36		0,17	0,53		0,53	
2.2.4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,69		1,24	4,93	1,70	6,63	
2.2.4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,18		0,70	5,88	0,60	6,48	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	7,59	0,08	160,00	167,59	90,00	257,59	2,63
2.2.5.1	Đất cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp	SKC	1,10		25,00	26,10		26,10	
2.2.5.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,50		135,00	141,50	90,00	231,50	
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	96,63	0,99	19,20	115,83	2,00	117,83	1,20
2.2.6.1	Đất giao thông	DGT	85,52	0,87	19,20	104,72		104,72	1,07
2.2.6.2	Đất thủy lợi	DTL	10,48	0,11		10,48		10,48	

2.2.6.3	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT							
2.2.6.4	Đất công trình năng lượng	DNL	0,07			0,07		0,07	
2.2.6.5	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,01			0,01		0,01	
2.2.6.6	Đất chợ	DCH	0,55			0,55		0,55	
2.2.6.7	Đất xây dựng TMDV	DTM					2,00	2,00	
2.2.6.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
2.2.6.9	Đất công trình công cộng khác	DCK							
2,3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,13	0,00	0,95	1,08	0,00	1,08	0,01
2,4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,61	0,01	0,64	1,25	0,76	2,01	0,02
2,5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	12,48	0,13		12,48		12,48	0,13
2,6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	180,76	1,85		180,76		180,76	1,85
2,7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	11,63			11,63		11,63	
2,8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD	19,25	0,20		19,25	0,00	19,25	0,20
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	19,25			19,25			
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS							
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS							

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông

* Đường đối ngoại.

- Đường tỉnh 291: Tuyến này đã có dự án nâng cấp mặt đường rộng 8m, phương án đề định hướng quy hoạch sẽ mở rộng tuyến đường lên lòng đường 12m, lộ giới cụ thể khu vực ngoài dân cư lộ giới 38m. Đoạn qua khu dân cư mở rộng lộ giới 20,0m trong đó lòng đường 12m lề đường 2x4m.

- Đường huyện kết nối xã mới các xã lân cận.

+ Mặt cắt ngang điển hình 2-2: Lộ giới 10,5m trong đó lòng đường rộng 7,5m, lề đường 2x1,5m, chỉ giới xây dựng mỗi bên 5,0m (các tuyến đường này đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông).

* Giao thông đối nội:

- Quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các khu vực, tiếp tục chỉnh trang cải tạo, cứng hóa các tuyến đường giao thông nông thôn, mở rộng cứng hóa các tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp lòng đường 3,0-4,0m.

+ Mặt cắt ngang điển hình 3-3: Lộ giới 9,0 m trong đó lòng đường rộng 7,0m, lề đường 2x1,0m, chỉ giới xây dựng mỗi bên 3,0m. (tuyến đường này đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông).

+ Mặt cắt ngang điển hình 1-1: Lộ giới 14 m trong đó lòng đường rộng 8 m, hè đường rộng 2x3,0m =6m.

+ Các đường thôn tối thiểu lòng đường rộng 5m, lề đường 2x1,0m=2m.

- Hệ thống các tuyến đường giao thông phải có biển báo an toàn giao thông theo quy định, lề đường phía taluy + phải có cọc tiêu, dải phân cách đảm bảo an toàn giao thông.

5.2. San nền

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen cấy bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần không chế cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hoà với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực và công trình bên cạnh.

- Khi san lấp các ao hồ trong khu dân cư cần nghiên cứu và cân nhắc tránh gây ngập úng cục bộ.

- Đối với các khu trang trại, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được tổ chức lại thành cụm, bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo.

5.3. Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng chỉnh trang kiểm tra các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng từ điều kiện tự nhiên đặc biệt là hiện tượng trượt lở...có biện pháp gia cố giảm thiểu để đảm bảo an toàn.

- Đối với các khu đất lựa chọn để xây dựng mới các công trình phải thuận lợi về điều kiện phát triển, có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc xây dựng và đảm bảo an toàn cộng đồng.

5.4. Cấp nước

- Nguồn cấp nước dẫn từ các khe suối dẫn đến các đối tượng dùng nước. Ngoài ra sử dụng nước ngầm.

- Định hướng quy hoạch cấp nước: Tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng 1.200 m³/ngày đêm, về lâu dài xác định quy hoạch xây dựng trạm cấp nước quy mô khoảng 1.500 m³/ ngày đêm đường ống cấp nước phân phối và dịch vụ đi theo các trục đường giao thông.

5.5. Cấp điện

- Nguồn điện cung cấp được lấy từ trạm điện của xã Tuấn Đạo nằm trong hệ thống Điện lực Bắc Giang- Sơn Động. Trạm 110/35/22kV Sơn Động công suất 2x25MVA. Nguồn cấp cho khu vực là trạm 110kV Sơn Động sử dụng lưới trung áp 35kV.

- Các trạm biến áp hiện có đang sử dụng các cấp điện áp 35/0,4kV sẽ được tiếp tục sử dụng và cải tạo nâng cấp công suất trạm (nếu cần). Các trạm biến áp nằm trong phạm vi cải tạo đường, mở đường hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ được di chuyển, hoặc dỡ bỏ thay thế cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông.

5.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

* Thoát nước thải

- Đối với các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh theo hình thức tự thấm, xí dội nước và xí 2 ngăn hợp vệ sinh.

- Nước thải sinh hoạt, chủ yếu thải ra từ các nhà dân, nhà vệ sinh công cộng, sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

* Quản lý chất thải rắn

Quy hoạch bổ sung các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các thôn với bán kính phục vụ theo quy định. Rác thải sau đó được chuyển đến khu xử lý chung của huyện dự kiến tại khu vực thị trấn Tây Yên Tử. Đối với rác thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, y tế phải thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

* Nghĩa trang:

Hiện trạng các thôn đều có khu vực nghĩa trang nhân dân quy mô đảm bảo do đó không quy hoạch thêm đất nghĩa trang mà chỉ tiến hành cải tạo chỉnh trang đảm bảo cách ly về môi trường.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng xã Tuấn Đạo cần đảm bảo hạn chế tối đa các tác động làm ảnh hưởng đến đời sống về vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường và phải làm thúc đẩy kinh tế toàn huyện Sơn Động phát triển.

7. Xác định dự án ưu tiên đầu tư.

Giai đoạn 2021- 2025:

- Xây dựng Trụ sở Công an xã Tuần Đạo mới trên khu đất của Trạm Y tế xã với diện tích khoảng 0,12ha.
- Quy hoạch đất công viên cây xanh bên cạnh đất UBND xã diện tích khoảng: 1,8 ha.
- Quy hoạch 02 điểm khu dân cư mới trên trục Đường tỉnh 291 có tổng diện tích khoảng 3,6 ha.
- Mở rộng, nâng cấp đường Tuần Đạo đi Thanh Luận dài khoảng: 4,5km.

Giai đoạn 2025- 2030:

- Quy hoạch đất ở khu dân cư thôn Ngõ: khoảng 2,5 ha.
- Quy hoạch đất Thương mại dịch vụ thuộc thôn Linh Phú, bên cạnh UBND trên trục Đường tỉnh 291 có diện tích khoảng 2,0 ha.

Điều 2. UBND xã Tuần Đạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước, UBND xã Tuần Đạo và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Thắng